

4.1.1. Đánh giá lợi ích về giảm phát thải khí nhà kính

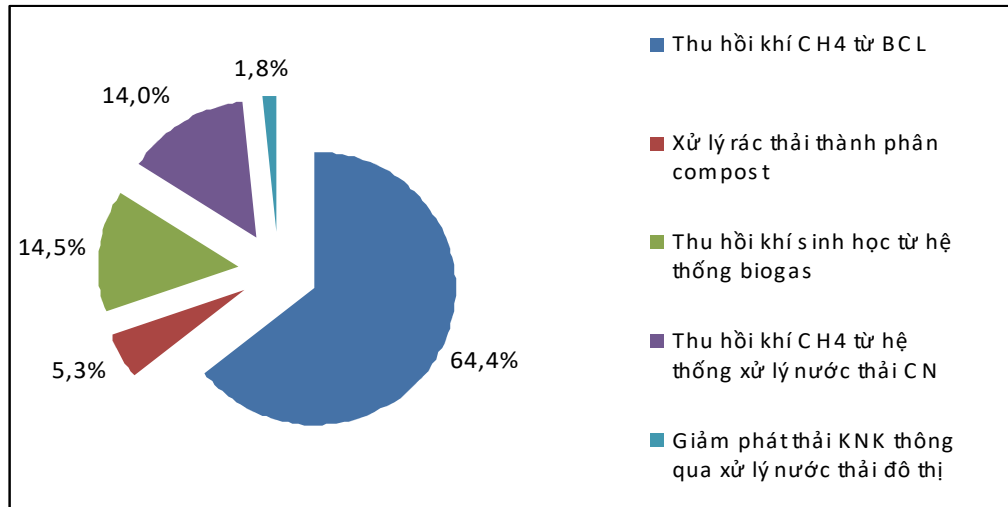
Kết quả tính toán kịch bản tiềm năng cho 5 phương án giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn và quản lý nước thải cho thấy đến năm 2020, tổng lượng khí nhà kính phát thải tại Việt Nam có thể giảm lên đến 34,8 triệu tấn. Trong đó, giải pháp thu hồi khí metan từ bãi chôn lấp sẽ mang lại hiệu quả trong việc giảm phát thải khí nhà kính là lớn nhất, đạt khoảng 22,4 triệu tấn, chiếm tỷ lệ lên đến 64,4% tổng lượng giảm phát thải trong 5 lĩnh vực trên. Tiếp đến là các giải pháp thu hồi khí sinh học từ hệ thống biogas trong xử lý chất thải ngành chăn nuôi và thu hồi khí CH₄ trong xử lý nước thải công nghiệp với mức giảm phát thải lần lượt là 5 triệu và 4,8 triệu tấn. Ngược lại, tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính đối với các giải pháp về xử lý rác thải thành phân compost và xử lý nước thải đô thị là không lớn, lần lượt là 1,8 triệu tấn và 0,6 triệu tấn. Như vậy, có thể thấy là trong số 5 giải pháp nghiên cứu của đề tài thì giải pháp thu hồi khí CH₄ từ bãi chôn lấp rõ ràng mang lại hiệu quả lớn nhất trong việc giảm khối lượng phát thải khí nhà kính.

Bảng 4.1. Tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính năm 2020 của 5 giải pháp

Đơn vị: triệu tấn

STT	Chính sách/Giải pháp	Tiềm năng giảm phát thải KNK đến năm 2020
1	Thu hồi khí CH ₄ từ BCL	22.429.065
2	Xử lý rác thải thành phân compost	1.840.051
3	Thu hồi khí sinh học từ hệ	5.068.105

	thống biogas	
4	Thu hồi khí CH ₄ từ hệ thống xử lý nước thải CN	4.882.689
5	Giảm phát thải KNK thông qua xử lý nước thải đô thị	621.563
6	Tổng số	34.841.473

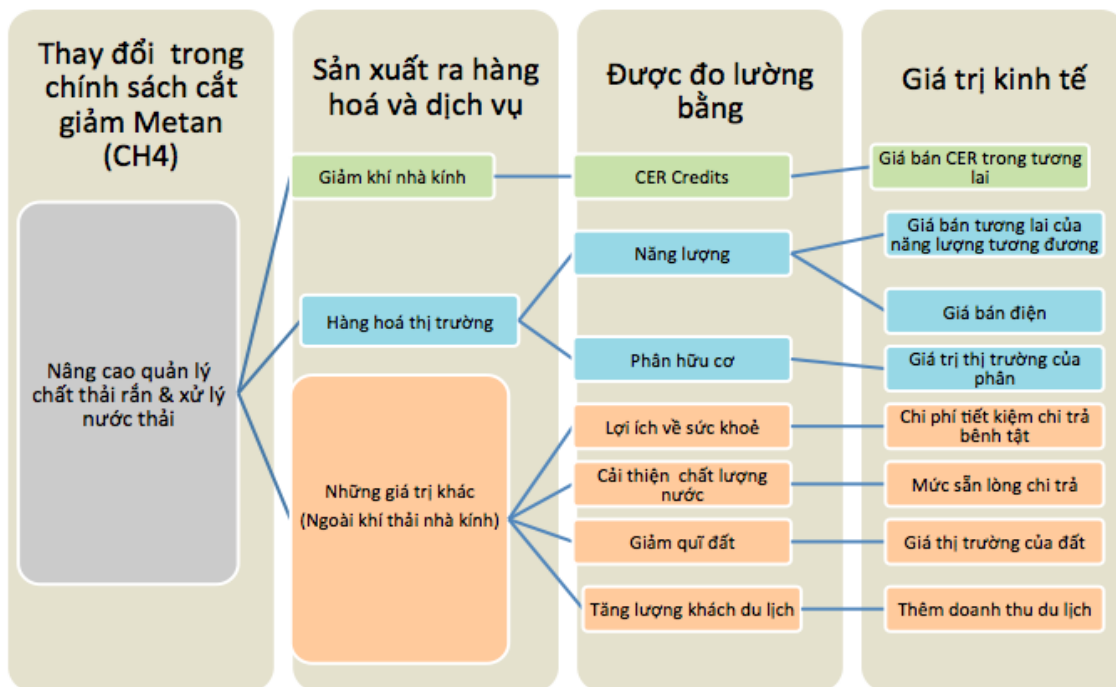


Hình 4.4.. Tỷ trọng mức giảm phát thải khí nhà kính chia theo 5 lĩnh vực

4.1.2. Đánh giá lợi ích về kinh tế

Để đánh giá những lợi ích môi trường và kinh tế sẽ đạt được từ việc thay đổi mục tiêu chính sách, điều quan trọng đầu tiên là hiểu rõ mối liên hệ giữa việc thay đổi này và những lợi ích môi trường và lợi ích kinh tế mà chúng đem lại. Mối liên hệ này được minh họa trong Hình dưới đây.

Lợi ích môi trường và lợi ích kinh tế của việc giảm khí nhà kính trong xử lý rác thải rắn và nước thải



Hình 4.5: Thay đổi chính sách, quản lý trong việc giảm phát thải khí nhà kính mang lại lợi ích về môi trường và kinh tế.

Hình trên chỉ rõ mối liên hệ giữa các chính sách giảm khí phát thải khí mêtan trong 2 lĩnh vực quản lý chất thải rắn, quản lý nước thải với các lợi ích về môi trường, kinh tế đi kèm từ các chính sách này. Cụ thể là việc tăng cường quản lý chất thải rắn và xử lý nước thải sẽ dẫn đến 3 nhóm lợi ích chính sau đây: lợi ích về giảm phát thải khí nhà kính, lợi ích về tạo ra hàng hóa thị trường (như năng lượng, phân bón) và nhóm các lợi ích khác.

Mối liên hệ này theo thuật ngữ kinh tế được gọi là "hệ thống sản xuất chung" bởi vì việc tạo ra một hàng hóa hoặc dịch vụ (ở đây là giảm phát thải khí nhà kính) sẽ nhất thiết hoặc tự động sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ khác. Cũng như việc khi chính phủ Việt Nam thực thi các chính sách giảm phát thải khí nhà kính sẽ tạo ra các lợi ích kép như cải thiện sức khỏe, cơ hội tăng doanh thu cho

ngành du lịch, và tạo ra những nguồn năng lượng có giá trị kinh tế.

Hàng hoá quan trọng trong "hệ thống sản xuất chung" này (thay đổi trong chính sách và quản lý) là khối lượng khí nhà kính được cắt giảm. Việc cắt giảm khí nhà kính sẽ đem lại cho Việt Nam "chứng nhận giảm phát thải" để bán trên thị trường thế giới, tạo ra doanh thu trực tiếp cho chính phủ Việt Nam. Việc tính giá trị kinh tế của lượng khí nhà kính giảm sẽ được dựa trên mức giá hiện tại của CER trên thị trường thế giới.

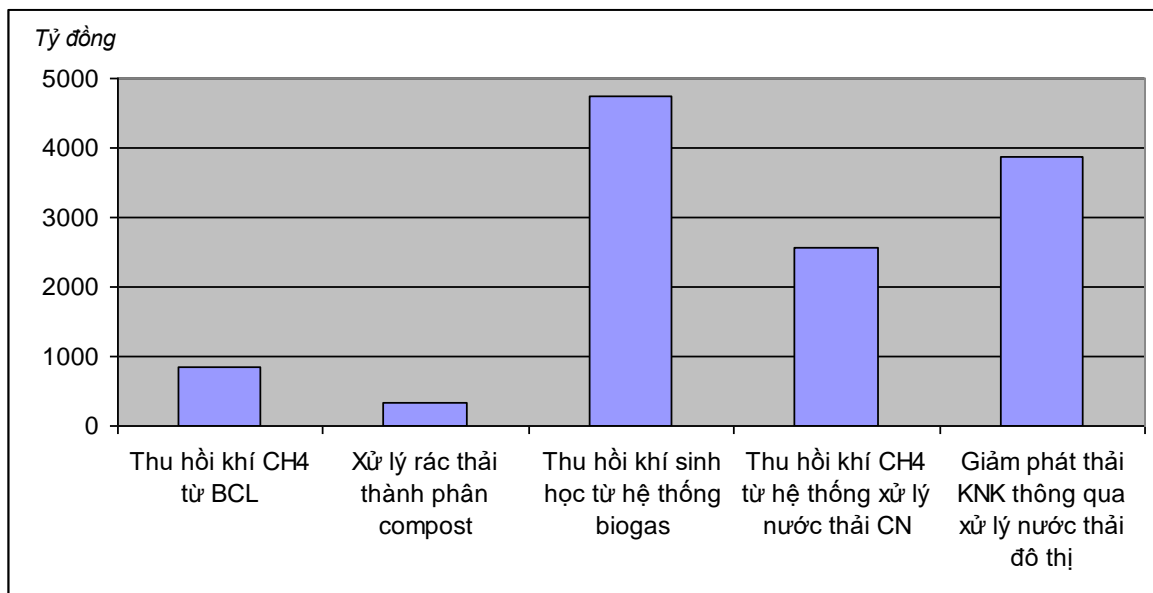
Loại lợi ích thứ hai từ việc cắt giảm khí mêtan là tạo ra hàng hóa thị trường (năng lượng và phân bón). Khí mêtan thu được từ phương pháp thu khí mêtan có thể được sử dụng để sản xuất điện hoặc để bán như các nguồn nhiên liệu khác. Năng lượng thu được có thể được lượng giá bằng giá của những nguồn năng lượng khác có khối lượng tương đương hoặc bằng giá bán điện được sản xuất từ quá trình thu khí mêtan.

Ngoài việc tạo ra năng lượng, thay đổi chính sách và quản lý trong lĩnh vực xử lý nước thải và chất thải rắn cũng sản xuất ra một loại hàng hoá thị trường khác đó là phân hữu cơ để thay thế cho phân bón hóa học trong nông nghiệp. Lượng giá từ việc sản xuất phân bón này sẽ được dựa trên giá trị thị trường hiện tại của phân bón hoá học.

Nhóm lợi ích thứ 3 là nhóm các lợi ích khác. Ô nhiễm đất, nước, không khí dẫn đến gia tăng tỉ lệ bệnh tật, sử dụng quỹ đất không hiệu quả, làm giảm mỹ quan môi trường... Nếu những vấn đề này được cải thiện lợi ích đem lại sẽ là lợi ích về sức khỏe, chất lượng nước được cải thiện, sử dụng đất hiệu quả và ngành du lịch phát triển (Môi trường sạch sẽ hấp dẫn hơn đối với khách du lịch). Đối với lợi ích sức khỏe, giá trị kinh tế của việc giảm phát thải khí nhà kính được lượng giá bằng chi phí tránh bệnh tật. Lợi ích kinh tế từ việc cải thiện chất lượng nước được tính dựa trên mức sẵn lòng chi trả (WTP). Ngoài ra, các lợi ích kinh tế của việc sử dụng

quĩ đất hiệu quả được ước tính bằng giá thị trường của đất. Cuối cùng, tăng du lịch sẽ nâng cao doanh thu cho ngành du lịch.

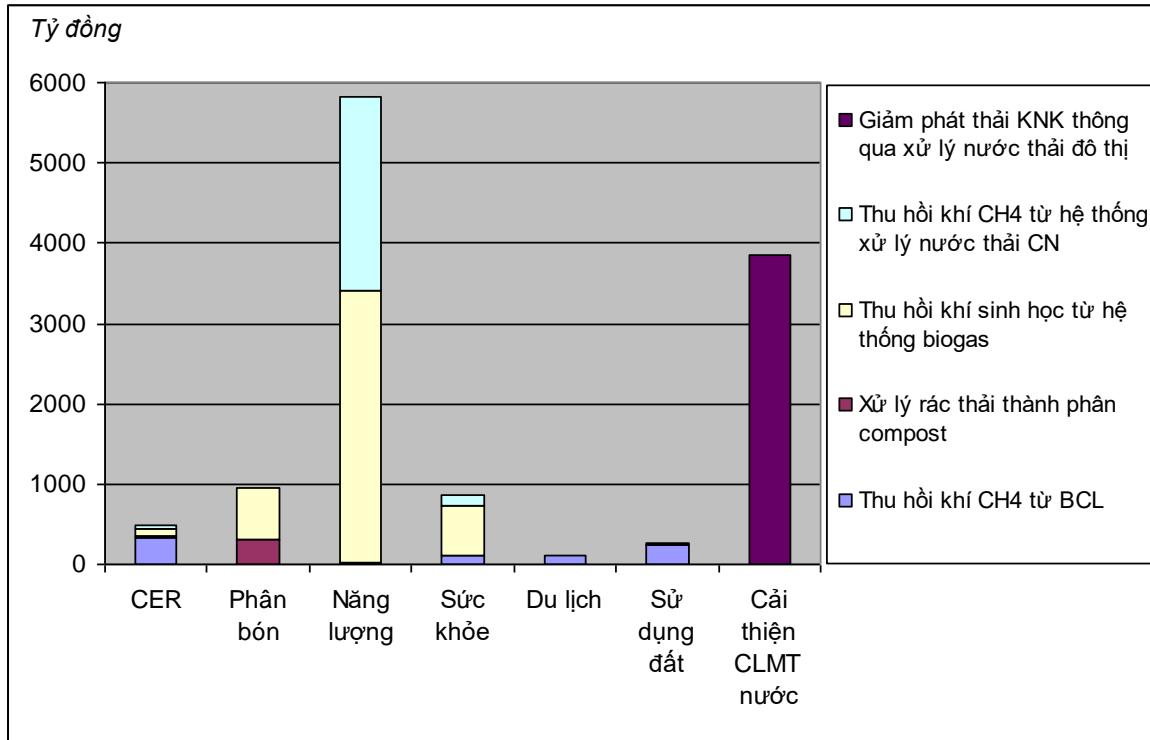
Kết quả tính toán lợi ích kinh tế đối với 5 giải pháp giảm phát thải khí nhà kính cho thấy, tổng lợi ích tiềm năng thu được đạt khoảng 12.360 tỷ đồng. Trong đó, lợi ích thu được từ giải pháp thu hồi khí sinh học từ hệ thống biogas là lớn nhất, đạt khoảng 4.739 tỷ đồng. Tiếp đến là hai giải pháp giảm phát thải KNK thông qua xử lý nước thải đô thị và giải pháp thu hồi khí CH₄ từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, lần lượt là 3.861 và 2.575 tỷ đồng. Đối với giải pháp thu hồi khí sinh học từ bãi chôn lấp, mặc dù có tiềm năng giảm phát thải lớn nhất (khoảng 22.4 triệu tấn), tuy nhiên lợi ích thu được chỉ đạt khoảng 855 tỷ đồng. Đối với giải pháp xử lý rác thải thành phân compost thì lợi ích thu được là không đáng kể (khoảng 343 tỷ đồng).



Hình 4.6. Lợi ích kinh tế tính theo 5 phương án khác nhau

Nếu tính theo nguồn thu thì lợi ích thu được từ việc bán hoặc sử dụng làm nhiên liệu thay thế là lớn nhất, đạt trên 5.800 tỷ đồng, chiếm khoảng 47% trong tổng lợi ích. Tiếp đến là lợi ích từ cải thiện chất lượng môi trường nước, đạt

khoảng 3.852 tỷ đồng (chiếm 31%).



Hình 4.7. Lợi ích kinh tế của từ các nguồn thu